| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ**<br>**TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07/4/2023.
*Về việc"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Minh Khôi.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Nguyễn Thị Mỹ Vinh và bà Hoàng Thị Tuyết Nhung.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Xuân Thúy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 251/2022/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị **Phan Thị Tr**, sinh năm 1984; địa chỉ: 105/3 đường Lê Văn H, khu phố x, phường Đ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị - Có mặt.

*2. Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu M**, sinh năm 1979; địa chỉ: 105/3 Lê Văn H, khu phố x, phường Đ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị - Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*1. Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị Tr trình bày:*

Chị Phan Thị Tr và anh Nguyễn Hữu M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn ảnh hưởng đến gia đình và con cái nên không thể chung sống với nhau được, do đó ngày 06/5/2022, chị Tr đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh M. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vì thương con nên chị Tr đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, tiếp tục nuôi dạy con cái, nhưng rồi cuộc sống chung giữa vợ chồng chị Tr, anh M cũng không có gì cải thiện ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị đã sống ly thân với anh M. Nay chị Tr thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, do đó chị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phan Thị Tr xin được ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 06/9/2007 và Nguyễn Thị Cẩm N2, sinh ngày 20/11/2011. Khi ly hôn, chị Tr có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N2, còn cháu N1 giao cho anh M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***2. Đối với bị đơn anh Nguyễn Hữu M:*** Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần cấp, tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Hữu M, nhưng anh M không có văn bản trình bày ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải để giải quyết ly hôn.

***3. Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:***

- *Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo, thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Phan Thị Tr ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

+ *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N2, sinh ngày 20/11/2011 cho chị Phan Thị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 06/9/2007 cho anh Nguyễn Hữu M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1]. Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp tống đạt văn bản tố tụng "*Thông báo về việc thụ lý vụ án*" hợp lệ cho bị đơn. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Tòa án tiếp tục cấp tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 văn bản "*Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải*" cho bị đơn. Nhưng anh M đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành phiên hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hữu M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng lại vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Tr về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Hữu M, Hội đồng xét xử xét thấy:*

Chị Phan Thị Tr và anh Nguyễn Hữu M kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết tại UBND phường Đ, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị vào ngày 26/6/2006. Do đó về quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh M là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong thời gian chung sống vợ chồng thì giữa chị Tr và anh M thường hay xảy ra mâu thuẩn dẫn đến chị Tr đã từng một lần khởi kiện xin đươc ly hôn, nhưng vì thương con nên chị Tr đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, nuôi dạy con cái. Nhưng rồi cuộc sống chung giữa vợ chồng chị Tr, anh M cũng không có gì cải thiện. Hiện vợ chồng vẫn mâu thuẩn không sống chung được với nhau nên chị Tr và anh M đã sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng sửa chữa, khắc phục mâu thuẩn trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng anh M lại bỏ mặc, không đến tham gia hòa giải, không có trách nhiệm gì trong việc giải quyết khắc phục những mâu thuẩn trong quan hệ hôn nhân.

Do đó, cho thấy mâu thuẩn giữa vợ chồng chị Tr và anh M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr và cho chị Phan Thị Tr ly hôn anh Nguyễn Hữu M.

*[3] Xét yêu cầu của chị Phan Thị Tr về việc giao cho chị Tr được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N2 và giao cháu N1 cho anh M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, xét thấy:*

Vợ chồng chị Tr anh M có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 06/9/2007 và Nguyễn Thị Cẩm N2, sinh ngày 20/11/2011. Thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, chị Tr đều có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N2 và giao cháu N1 cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu N1 và cháu N2 hiện đã trên mười tuổi và các cháu đã có ý kiến trình bày nguyện vọng của mình; trong đó, cháu N2 có nguyện vọng được ở với chị Tr, cháu N1 có nguyện vọng được ở với anh M, xét thấy nguyện vọng của các cháu là chính đáng và phù hợp với yêu cầu khởi kiện của chị Tr. Vì vậy, để đảm bảo các cháu có nơi ở ổn định cũng như nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr, giao cháu N2 cho chị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu N1 cho anh M trược tiếp chắp sóc nuôi dưỡng. Chị Tr, anh M không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Chị Phan Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

***- Về quan hệ hôn nhân:*** Cho chị Phan Thị Tr ly hôn anh Nguyễn Hữu M *(Đã đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã Đông Hà (nay là thành phố Đông Hà), tỉnh Quảng Trị, số 35, quyển số: 02 ngày 26/6/2016).*

***- Về con chung:*** Giao cháu Nguyễn Thị Cẩm N2, sinh ngày 20/11/2011 cho chị Phan Thị Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh N1, sinh ngày 06/9/2007 cho anh Nguyễn Hữu M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh M, chị Tr không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

***- Về tài sản chung và nợ chung:*** Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Về án phí:*** Chị Phan Thị Tr phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: CC/2021/0000522 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Chị Phan Thị Tr đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Chi cục THADS thành phố Đông Hà;
- UBND phường Đ, TP Đông Hà;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, DA.

**Tạ Minh Khôi**